

Số: *35* /2019/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày *09* tháng *10* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định một số nội dung thực hiện hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh Lai Châu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 95/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu về quy định chính sách hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 648/TTr-SKH-CN ngày 13 tháng 9 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung thực hiện hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 21 tháng 10 năm 2019 và thay thế Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND ngày 03 tháng 4 năm 2012 của UBND tỉnh về hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ KH&CN;
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VPUBND tỉnh: Lãnh đạo, TT TH-CB, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tống Thanh Hải

QUY ĐỊNH

Quy định một số nội dung thực hiện hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh Lai Châu

*(Kèm theo Quyết định số **35** /2019/QĐ-UBND ngày **09** tháng **10** năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về điều kiện, lĩnh vực hỗ trợ; việc lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí; cấp phát, xét duyệt kinh phí hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng và đổi mới công nghệ; ứng dụng khoa học và công nghệ hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ; xác lập quyền sở hữu công nghiệp và quản lý chất lượng sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức khoa học và công nghệ (viết tắt là tổ chức), cá nhân trên địa bàn tỉnh tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ thông qua các hoạt động: chuyển giao công nghệ, ứng dụng và đổi mới công nghệ; ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ; xác lập quyền sở hữu công nghiệp; quản lý chất lượng sản phẩm hàng hoá trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Chuyển giao công nghệ là chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.

2. Ứng dụng công nghệ là việc sử dụng công nghệ vào các hoạt động thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh và các hoạt động khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của các hoạt động này.

3. Đổi mới công nghệ là hoạt động thay thế một phần hoặc toàn bộ công nghệ đang sử dụng bằng một phần hoặc toàn bộ công nghệ khác nhằm nâng cao

năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

4. *Nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh* là việc ứng dụng kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh được Nhà nước cấp kinh phí sau khi đã được đánh giá nghiệm thu chính thức nhằm phục vụ sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội.

5. *Kiểu dáng công nghiệp* là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

6. *Nhãn hiệu* là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

7. *Nhãn hiệu tập thể* là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hoá, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của tổ chức đó.

8. *Nhãn hiệu bảo hộ ở nước ngoài* là nhãn hiệu đăng ký và được cấp văn bằng bảo hộ ở nước ngoài.

9. *Văn bằng bảo hộ* là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; quyền đối với giống cây trồng.

10. *Quy chuẩn kỹ thuật địa phương* là quy chuẩn kỹ thuật do Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu xây dựng và ban hành để bắt buộc áp dụng trong phạm vi quản lý của tỉnh Lai Châu đối với các sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình sản xuất, khai thác, chế biến, bảo quản, vận hành, vận chuyển, sử dụng, bảo trì sản phẩm, hàng hoá, yêu cầu cụ thể về môi trường phù hợp với đặc điểm về địa lý, khí hậu, thủy văn, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

11. *Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia* là quy định về mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý mà sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, quá trình, môi trường và các đối tượng khác trong hoạt động kinh tế - xã hội phải tuân thủ để bảo đảm an toàn, vệ sinh, sức khỏe con người; bảo vệ động vật, thực vật, môi trường; bảo vệ lợi ích và an ninh quốc gia, quyền lợi của người tiêu dùng và các yêu cầu thiết yếu khác.

12. *Tem truy xuất nguồn gốc* là một con tem dán lên sản phẩm để có thể truy ra được nguồn gốc của sản phẩm thông qua các hệ thống truy xuất nguồn gốc.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng và đổi mới công nghệ

1. Nội dung, định mức hỗ trợ: Hỗ trợ 30% tổng kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ, dự án ứng dụng và đổi mới công nghệ nhưng không quá 500 triệu đồng.

2. Các lĩnh vực được hỗ trợ: các công nghệ phải thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao tại Phụ lục I, Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.

3. Điều kiện được hưởng hỗ trợ:

a) Tổ chức, cá nhân phải có cam kết bố trí kinh phí đối ứng và cam kết sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích khi triển khai thực hiện hỗ trợ;

b) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo quy định hiện hành của nhà nước về thuế, chính sách đối với người lao động, bảo vệ môi trường, không bị cơ quan có thẩm quyền kết luận tình hình tài chính không lành mạnh, đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ đọng không có khả năng chi trả, đang trong quá trình giải thể;

c) Phải hoạt động đúng với ngành nghề đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ; có cơ sở vật chất bảo đảm và năng lực tổ chức thực hiện chuyển giao công nghệ, ứng dụng và đổi mới công nghệ.

4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị (có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền);

b) Bản thuyết minh nhu cầu cần hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng và đổi mới công nghệ;

c) Bản cam kết bố trí đối ứng kinh phí; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế (nếu có);

d) Hồ sơ chứng minh cơ sở vật chất, nhân lực, năng lực của tổ chức, cá nhân;

đ) Bản sao giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt

động khoa học và công nghệ;

e) Hợp đồng chuyên giao công nghệ; các hoá đơn, chứng từ có liên quan.

5. Hội đồng thẩm định:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định, có từ 7 đến 9 thành viên.

b) Thành phần Hội đồng gồm: Chủ tịch và các Ủy viên.

Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ;

Ủy viên Hội đồng là đại diện cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, tổ chức được hỗ trợ, chuyên gia có trình độ chuyên môn phù hợp;

Thư ký Hội đồng là lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

c) Hội đồng họp phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng; Hội đồng có trách nhiệm xem xét, đánh giá, xác định nội dung hỗ trợ.

Điều 4. Hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh

1. Nội dung, định mức hỗ trợ: Hỗ trợ 30% tổng kinh phí dự án nhưng không quá 500 triệu đồng/01 dự án.

2. Các lĩnh vực được hỗ trợ:

a) Kết quả nghiên cứu các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản;

b) Kết quả nghiên cứu về khoa học tự nhiên; khoa học kỹ thuật và công nghệ; khoa học y, dược; khoa học nông nghiệp; khoa học xã hội; khoa học nhân văn.

3. Điều kiện được hưởng hỗ trợ:

a) Tổ chức, cá nhân có cơ sở vật chất bảo đảm và năng lực tổ chức ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ;

b) Các kết quả nghiên cứu phải được cấp có thẩm quyền công nhận;

c) Phải xây dựng thuyết minh nhân rộng kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ, đang được triển khai và có địa chỉ ứng dụng cụ thể, được hội đồng thẩm định đề xuất hỗ trợ.

4. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị (có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan có

thẩm quyền);

b) Bản thuyết minh nhu cầu cần hỗ trợ;

c) Bản cam kết bố trí đối ứng kinh phí; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế (nếu có);

d) Hồ sơ chứng minh cơ sở vật chất, nhân lực, địa chỉ ứng dụng, năng lực của tổ chức, cá nhân;

đ) Bản sao giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

5. Hội đồng thẩm định: theo quy định tại Khoản 5, Điều 3 Quy định này.

Điều 5. Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp

1. Nội dung, định mức hỗ trợ:

a) Đối với kiểu dáng công nghiệp: Hỗ trợ 15 triệu đồng/1 chứng nhận;

b) Đối với nhãn hiệu thông thường: Hỗ trợ 15 triệu đồng/1 nhãn hiệu đã được chứng nhận;

c) Đối với nhãn hiệu tập thể: Hỗ trợ 30 triệu đồng/1 nhãn hiệu đã được chứng nhận;

d) Đối với nhãn hiệu bảo hộ ở nước ngoài: Hỗ trợ 50 triệu đồng/1 nhãn hiệu được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu ở nước ngoài.

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ:

Chỉ hỗ trợ đối với kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu các sản phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền trong nước hoặc nước ngoài cấp văn bằng bảo hộ nhưng chưa được hỗ trợ kinh phí từ các chính sách hỗ trợ khác của tỉnh.

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị (có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền);

b) Văn bằng bảo hộ (có chứng thực).

Điều 6. Hỗ trợ quản lý chất lượng sản phẩm

1. Nội dung và định mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ 30 triệu đồng/01 doanh nghiệp/01 sản phẩm được chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương, hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

b) Hỗ trợ 50 triệu đồng/01 doanh nghiệp áp dụng và quản lý tem truy xuất nguồn gốc.

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ: Chỉ hỗ trợ đối với quy chuẩn kỹ thuật, tem truy xuất nguồn gốc cho tổ chức, cá nhân chưa được hỗ trợ kinh phí từ các chính sách hỗ trợ khác của tỉnh.

3. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ:

a) Đơn đề nghị (có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc cơ quan có thẩm quyền);

b) Bản thuyết minh nhu cầu cần hỗ trợ chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, áp dụng và quản lý tem truy xuất nguồn gốc;

c) Hồ sơ chứng minh cơ sở vật chất, nhân lực, năng lực của tổ chức, cá nhân;

d) Bản sao giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ.

Điều 7. Thời gian đăng ký hỗ trợ

Hàng năm, các tổ chức, cá nhân đề nghị hỗ trợ gửi 01 bộ hồ sơ đăng ký về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, thẩm định.

Điều 8. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập hội đồng thẩm định đối với những hồ sơ thuộc lĩnh vực được hỗ trợ quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy định này.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Tổ chức hội đồng thẩm định và phê duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ kinh phí đối với lĩnh vực được hỗ trợ quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy định này;

b) Tổ chức thẩm định hồ sơ và phê duyệt kinh phí hỗ trợ đối với lĩnh vực được hỗ trợ quy định tại Điều 5, Điều 6 Quy định này.

3. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thẩm định các nội dung đối với lĩnh vực được hỗ trợ quy định tại Điều 3, Điều 4 thuộc lĩnh vực ngành quản lý.

Điều 9. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện nội dung hỗ trợ từ ngân sách tỉnh.

2. Kinh phí hoạt động của hội đồng thẩm định; kiểm tra, giám sát từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ cấp tỉnh.

3. Định mức chi hoạt động của hội đồng thẩm định thực hiện theo quy

định của Ủy ban nhân dân tỉnh về định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh.

4. Kinh phí được phân bổ và giao dự toán chi ngân sách thông qua Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan liên quan

1. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Có trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo đúng quy định;

b) Tổng hợp nhu cầu, xây dựng kế hoạch về nội dung, kinh phí đề nghị hỗ trợ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; đôn đốc, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân được hỗ trợ kinh phí, sử dụng kinh phí, thanh quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành;

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện chính sách hỗ trợ.

2. Sở Tài chính:

Tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ kinh phí hỗ trợ theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:

a) Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tích cực ứng dụng khoa học công nghệ vào trong sản xuất và đời sống;

b) Xác nhận tính khả thi và nhân rộng việc thực hiện các nội dung hỗ trợ ở địa phương.

4. Các tổ chức, cá nhân:

a) Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, quản lý, sử dụng kinh phí, thanh quyết toán kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích và quy định hiện hành;

b) Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền gửi báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ về Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 11. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội cao thì được đề nghị khen thưởng theo quy định.

2. Các tổ chức, cá nhân vi phạm quy định này tùy mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí sai mục đích phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn biểu mẫu, đánh giá quá trình tổ chức thực hiện Quy định này. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ với Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Tống Thanh Hải